

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **09/HNGĐ-ST**

Ngày 28/4/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Bà Nguyễn Thị Mộng Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 241/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/QĐXXST-HNGĐ 26 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoắc Thị T, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố I, phường L, TX P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Lê Xuân S, sinh năm 1968; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố I, phường L, TX P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoắc Thị T trình bày:

Bà Hoắc Thị T và ông Lê Xuân S sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thác Mơ (cũ), huyện Phước Long (cũ), tỉnh Bình Phước và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2004 ngày 02/8/2004. Sau khi bà T và ông S chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì cuộc sống hôn nhân phát sinh những mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy mục đích hôn nhân

không đạt được, nguyên đơn bà Hoắc Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân Thị xã Phước Long giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Lê Xuân S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông S có 02 người con chung là: Lê Xuân Đ, sinh ngày 16/7/2005 và Lê Xuân D, sinh ngày 12/01/2018. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về T sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Hoắc Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; Bị đơn ông Lê Xuân S đã được Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng ông S vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoắc Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoắc Thị T và ông Lê Xuân S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thác Mơ (cũ), huyện Phước Long (cũ), tỉnh Bình Phước. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà T và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến bà T không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân

với ông S. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện ý chí của ông S không muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, không có nguyện vọng tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Quan hệ hôn nhân là sự tự nguyện giữa các bên, mâu thuẫn giữa bà T và ông S là trầm trọng khi tình cảm vợ chồng không còn, không thể tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Xét thấy bà T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và các con chung đều có nguyện vọng được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, cần giao 02 con chung Lê Xuân Đ, sinh ngày 16/7/2005 và Lê Xuân D, sinh ngày 12/01/2018 cho bà Hoắc Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về T sản chung và nợ chung*: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Hoắc Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí -lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hoắc Thị T được ly hôn với ông Lê Xuân S.

[2] *Về con chung*: Giao 02 con chung là Lê Xuân Đ, sinh ngày 16/7/2005 và Lê Xuân D, sinh ngày 12/01/2015 cho bà Hoắc Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Ông S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực

tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

[3] *Về án phí*: Bà Hoắc Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm) nghìn đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0006536 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

“Trùng hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TXP.Long
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa